



Bài báo nghiên cứu

THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giang Thiên Vũ¹, Lê Ngọc Khang^{2*}

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trung tâm Đào tạo Kỹ năng sống Ý Tưởng Việt, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Lê Ngọc Khang – Email: khangln.tali031@pg.hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 31-3-2021; ngày nhận bài sửa: 23-6-2021; ngày duyệt đăng: 25-8-2021

TÓM TẮT

Bài viết đề cập thực trạng công tác hướng nghiệp (CTHN) tại các trường trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), cụ thể về mục đích, nội dung và các công cụ triển khai trong CTHN cho học sinh (HS) THPT. Kết quả cho thấy hầu hết các trường sử dụng các hình thức hướng nghiệp khác nhau để hỗ trợ HS định hướng nghề nghiệp một cách phù hợp, hiệu quả. Tuy nhiên, mức độ phổ biến và sự đánh giá tính hiệu quả của các hình thức có sự chênh lệch và khác biệt đáng kể giữa các trường, mà nguyên nhân chủ yếu nằm ở năng lực triển khai CTHN của đội ngũ làm CTHN hiện nay. Từ kết quả này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp phát triển CTHN, cụ thể là việc nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ làm CTHN trong trường THPT.

Từ khóa: học sinh trung học phổ thông; tư vấn hướng nghiệp; công cụ tư vấn hướng nghiệp; hình thức triển khai công tác hướng nghiệp; hướng nghiệp

1. Đặt vấn đề

Hoạt động tư vấn hướng nghiệp (TVHN) cho HS THPT là quá trình tương tác giữa chủ thể tư vấn là giáo viên THPT hay chuyên gia TVHN với đối tượng tư vấn là HS, trong đó chủ thể tư vấn phải có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để giúp HS hiểu vấn đề của bản thân và đưa ra quyết định lựa chọn cho mình một ngành nghề phù hợp với hợp với khả năng, điều kiện cá nhân, gia đình và xu hướng phát triển nghề nghiệp đó trong xã hội (Nguyen, 2019). Theo tác giả Nguyễn Trần Vĩnh Linh, hoạt động TVHN ở trường phổ thông gồm 3 loại công việc sau: 1) Làm cho HS có hiểu biết về thế giới nghề nghiệp, về nội dung, yêu cầu của những nghề mà cá nhân mong muốn lựa chọn, đồng thời giúp cá nhân nắm bắt và phân tích được những thông tin về thị trường lao động tại địa phương hoặc khu vực... để làm căn cứ lựa chọn nghề nghiệp; 2) Giúp HS nhận thức được về bản

Cite this article as: Giang Thien Vu, & Le Ngoc Khang (2021). Reality of vocational orientation in Ho Chi Minh City high schools. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(8), 1393-1401.

thân, đánh giá được những năng lực và khả năng của bản thân, thấy được giá trị của bản thân cũng như những khả năng thành công trong tương lai... qua đó giúp cá nhân hình thành thái độ đúng đắn trong lựa chọn nghề nghiệp; 3) Hỗ trợ HS đưa ra được các quyết định chọn nghề phù hợp trên cơ sở tìm ra sự trùng khớp giữa mong muốn, khả năng, năng lực, điều kiện hoàn cảnh bản thân và yêu cầu của nghề cũng như nhu cầu của nghề đó trong xã hội (Nguyen, 2019).

Những năm trở lại đây, CTHN cho HS THPT chưa nhận được quan tâm thỏa đáng (Huynh, 2011). Đối với các ban ngành trong xã hội, TVHN cho HS THPT thường được thực hiện chủ yếu trước mỗi mùa tuyển sinh, thực hiện như là theo phong trào (Giang, 2018). Các thông tin về nghề mà HS thu nhận được trước khi quyết định chọn nghề phần lớn từ kênh ngoài nhà trường như cha mẹ, bạn bè, mạng thông tin đại chúng: Internet 70%; từ cha mẹ hoặc người thân khác 60,5% (Nguyen, 2011)... Điều đó nói lên hạn chế của các hình thức triển khai hướng nghiệp hiện nay ở các trường phổ thông nói chung và trường phổ thông tại TPHCM nói riêng.

Theo Lê Duy Hùng (2018), hiệu quả của các hình thức triển khai CTHN có tác động trực tiếp đến việc định hướng, lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT nên vấn đề đánh giá thực trạng triển khai các hình thức này là vô cùng cấp thiết và quan trọng. Đặc biệt là kết quả đánh giá từ chính những người đang thực hiện công tác này ở các trường phổ thông ở TPHCM. Bài viết này trình bày về việc đánh giá thực trạng triển khai các hình thức triển khai CTHN tại 25 trường THPT địa bàn TPHCM (Le, 2018).

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi là phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong nghiên cứu này. Phương pháp này giúp đánh giá thực trạng các hình thức triển khai CTHN của đội ngũ làm CTHN trong các trường THPT trên địa bàn TPHCM. Phiếu hỏi gồm hệ thống các câu hỏi đóng và câu hỏi mở, tập trung vào các nội dung:

- Mục đích của CTHN trong nhà trường;
- Nội dung TVHN được triển khai tại trường;
- Các công cụ hướng nghiệp được sử dụng trong CTHN tại trường.

2.2. Khách thể nghiên cứu

Với mục tiêu tìm hiểu thực trạng CTHN tại một số trường THPT tại TPHCM, chúng tôi lựa chọn khách thể là chuyên viên tâm lý – hướng nghiệp và các giáo viên kiêm nhiệm CTHN ở một số trường THPT Quận 1, 3, 4, 6, Phú Nhuận, Tân Phú, Bình Tân trên địa bàn TPHCM. Cụ thể (xem Bảng 1)

:

Bảng 1. Thông tin của khách thể

Giới tính	Tần số	Tỉ lệ (%)
Nam	18	36,0
Nữ	32	64,0
Tổng	50	100

Chức vụ	Tần số	Tỉ lệ (%)
Chuyên viên tâm lí – hướng nghiệp	36	72,0
Giáo viên kiêm nhiệm CTHN	14	28,0
Tổng	50	100

Thâm niên	Tần số	Tỉ lệ (%)
Dưới 5 năm	27	54,0
Từ 6 đến 10 năm	20	40,0
Từ 11 đến 15 năm	2	4,0
Từ 16 đến 20 năm	1	2,0
Trên 20 năm	-	0,0
Tổng	50	100

Nhìn chung, đội ngũ làm CTHN hiện nay ở phần lớn các trường THPT là các chuyên viên tâm lí – hướng nghiệp, được đào tạo bài bản về các quy trình tư vấn, tham vấn, hướng nghiệp (chiếm 72%). Bên cạnh đó, công tác TVHN vẫn còn được giao cho đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm (chiếm 28%).

Về thâm niên công tác, phần lớn, đội ngũ TVHN hiện nay có thâm niên dưới 5 năm chiếm chủ yếu (54%). Thâm niên từ 6 đến 10 năm chiếm 40%. Thâm niên từ 11 đến 15 năm chiếm 4%, từ 16 đến 20 năm chiếm 2%. Qua đó cho thấy TVHN là một lĩnh vực mới mạnh nha phát triển trong những năm gần đây ở nước ta, đặc biệt là ở TPHCM. Không những thế, vì tính chất “trẻ” của đội ngũ làm CTHN, đây là điều kiện thuận lợi để họ tham gia những khóa tập huấn nâng cao chuyên môn, được tiếp cận với sự phát triển của công nghệ thông tin, phục vụ công tác TVHN tốt hơn.

2.3. Xử lí dữ liệu (xem Bảng 2)

Dữ liệu nghiên cứu được xử lí bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 20.0.

Có thể quy định về các mức như sau (Tính theo thang đo Likert 3):

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (3 - 1)/3 = 0.67$$

Bảng 2. Bảng quy đổi mức độ

Mức	Biểu hiện	Mức độ nhận thức	Mức độ hiệu quả	Mức độ ảnh hưởng
> 1,67	Không cần có	Hoàn toàn không hiểu	Không hiệu quả	Không ảnh hưởng
1,68 – 2,35	Có cũng được, không có cũng được	Hiểu một ít	Khá hiệu quả	Ít ảnh hưởng
2,36 – 3,00	Cần có	Hiểu rõ	Rất hiệu quả	Ảnh hưởng nhiều

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Mục đích TVHN trong nhà trường

Khi được hỏi về mục đích của CTHN trong nhà trường, kết quả nghiên cứu thu được như sau (xem Bảng 3):

Bảng 3. Mục đích CTHN trong nhà trường

Mục đích	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1. Giúp HS biết về lĩnh vực nghề nghiệp	2,90	0,303	3
2. Giúp HS biết được về cơ hội việc làm	3,00	0,000	1
3. Giúp HS biết về chuyên môn nghề nghiệp	2,54	0,503	9
4. Giúp HS biết thông tin về đối tượng lao động	2,62	0,490	7
5. Giúp HS biết về mục đích lao động	2,60	0,495	8
6. Giúp HS biết về những phẩm chất, yêu cầu lao động của nghề	2,66	0,479	6
7. Giúp HS biết về xu hướng phát triển của nghề	2,72	0,454	5
8. Giúp HS biết về thông tin của thị trường lao động	2,54	0,503	9
9. Giúp HS biết đánh giá năng lực, tự nhận thức bản thân HS	2,90	0,303	3
10. Giúp HS đưa ra các quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp	2,98	0,141	2
Trung bình chung	2,74	0,11	

Bảng 3 cho thấy ĐTB chung của toàn thang đo là 2,74, thuộc mức cao nhất. Điều này chứng tỏ dù là giáo viên kiêm nhiệm hay chuyên viên tâm lý – hướng nghiệp, tất cả đều nhận định mục đích cần phải có trong CTHN (tất cả các nội dung đều có ĐTB nằm trong khoảng từ 2,54- 3,00) là: Giúp HS biết về lĩnh vực nghề nghiệp (ĐTB=2,90); biết được về cơ hội việc làm (ĐTB=3,00); biết về chuyên môn nghề nghiệp (ĐTB=2,54); biết thông tin về đối tượng lao động (ĐTB=2,62); biết về mục đích lao động (ĐTB=2,60); biết về những phẩm chất, yêu cầu lao động của nghề (ĐTB=2,66); biết về xu hướng phát triển của nghề (ĐTB=2,72); biết về thông tin của thị trường lao động (ĐTB=2,54); biết đánh giá năng lực, tự nhận thức bản thân HS (ĐTB=2,90); giúp HS đưa ra các quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp (ĐTB=2,98).

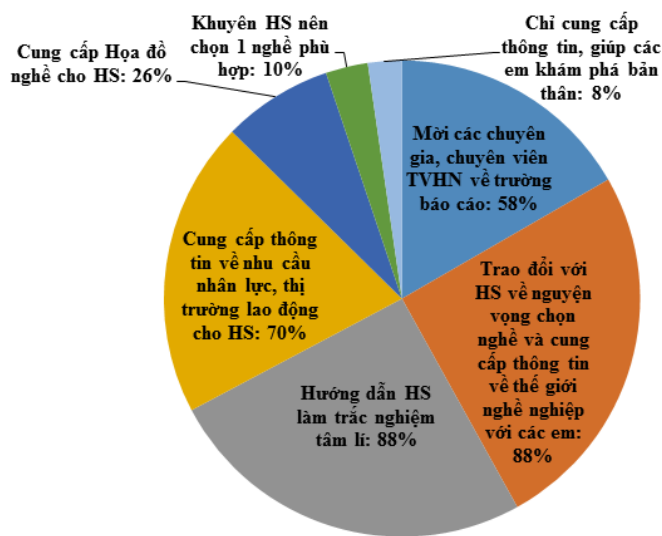
Trong đó, mục đích “Giúp HS biết được về cơ hội việc làm” xếp thứ bậc 1, “Giúp HS đưa ra các quyết định lựa chọn nghề nghiệp phù hợp” xếp bậc 2, “Giúp HS hiểu về các lĩnh vực nghề nghiệp” và “Biết đánh giá năng lực, tự nhận thức bản thân” xếp đồng bậc 3. Ngoài ra, khách thể nghiên cứu còn đồng ý ở mức cần có với những mục đích: giúp HS biết về xu hướng phát triển của nghề (hạng 5); biết về những phẩm chất, yêu cầu lao động của nghề (hạng 6); biết thông tin về đối tượng lao động (hạng 7); biết về mục đích lao động (hạng 8); biết về chuyên môn nghề nghiệp (hạng 9); biết về thông tin thị trường lao động (đồng hạng 9). Hướng nghiệp được xem như là một cách để tạo nên sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa giáo dục nhà trường với thế giới nghề nghiệp sau phổ thông, tạo thành cầu nối giữa nhà trường với xã hội. Đồng thời, hướng nghiệp cho HS phổ thông có được sự tự tin,

hăng hái tham gia vào việc phát triển theo con đường học tập và định hướng nghề nghiệp đã chọn.

Nhìn chung, mục đích chính trong CTHN được xác định là giúp HS định hướng được nghề nghiệp, việc làm phù hợp với năng lực để có kế hoạch cho bản thân. Các mục đích được xác định mang tính đa dạng, được phân bậc rõ ràng (căn cứ vào ĐTB). Cho nên, việc xác định mục đích của CTHN trong nhà trường đóng vai trò vô cùng quan trọng. Một mặt, ảnh hưởng đến quá trình triển khai CTHN tại nhà trường. Mặt khác, tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp, định hướng tương lai của HS và sự phát triển lâu dài của xã hội.

2.4.2. Nội dung triển khai CTHN trong nhà trường (xem Biểu đồ 1)

Biểu đồ 1. Nội dung TVHN được triển khai tại các trường THPT



Biểu đồ 1 cho thấy, khi được hỏi về những nội dung hướng nghiệp đang được triển khai tại các trường, 2 nội dung được chọn nhiều nhất là “Trao đổi với người được tư vấn về nguyện vọng chọn nghề, cung cấp thông tin về thế giới nghề và đặc điểm của nghề mà HS định chọn”; và “Hướng dẫn HS làm các trắc nghiệm tâm lí (trắc nghiệm đo năng lực, đo hứng thú, đo tính cách...)” với tỉ lệ 88%. Nội dung “Cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động cho HS (cơ hội việc làm và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp một ngành học)” xếp thứ 3 với 70% lựa chọn. Tiếp đến là nội dung “Mời các chuyên gia TVHN, chuyên viên hướng nghiệp, tuyển sinh các trường đại học, cao đẳng về trường báo cáo sâu cò” xếp thứ 4, chiếm tỉ lệ 58%. Các nội dung còn lại được chọn với tỉ lệ như sau:

- Cung cấp cho HS học đồ nghề (thông tin về đối tượng lao động, điều kiện lao động, nội dung lao động, công cụ lao động...) của những ngành nghề khác nhau để HS có cái nhìn tổng quát và chi tiết về thế giới nghề nghiệp, từ đó đi đến quyết định chọn nghề - thứ bậc 5 với 26% lựa chọn.
- Tư vấn HS nên chọn một nghề cho phù hợp với các em – thứ bậc 6 với 10% lựa chọn.

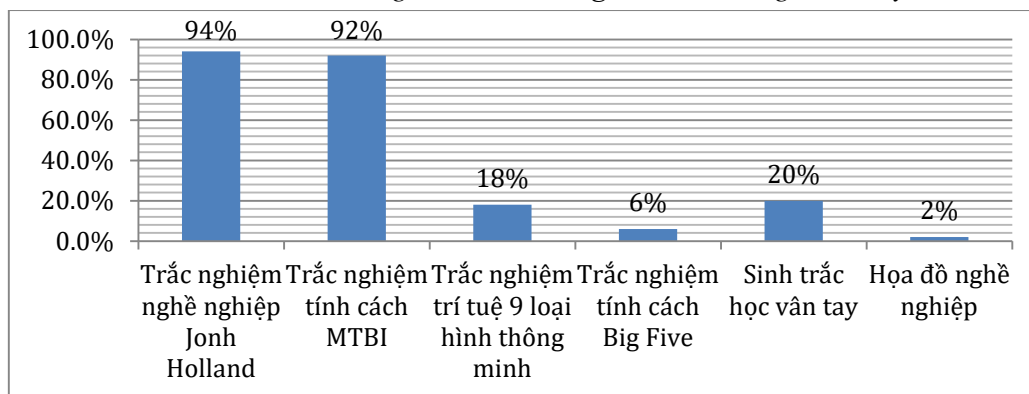
- Chỉ cung cấp thông tin, giúp các em tự khám phá bản thân và để các em tự chọn nghề - thứ bậc 7 với 8,0% lựa chọn.

Theo UNESCO, hướng nghiệp được xem như một quá trình cung cấp cho người học những thông tin về bản thân họ và về các thị trường lao động và giáo dục để họ có các quyết định phù hợp nhất liên quan đến sự lựa chọn giáo dục và nghề nghiệp. Để theo kịp sự phát triển của xã hội, chúng ta có thể thấy rằng nếu chỉ cung cấp thông tin đơn thuần là không đủ, mà còn cần có sự kết hợp với việc tư vấn, chỉ ra được sự những đặc trưng của cá nhân; từ đó, so sánh sự tương thích giữa các đặc điểm của xã hội, sự đổi mới và yêu cầu của nghề nghiệp, việc làm với cá nhân đó. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trên Biểu đồ 1 cho thấy những nội dung hướng nghiệp ở các trường THPT trong phạm vi nghiên cứu của đề tài là khá giống nhau, khá thống nhất trong khung nội dung. Trong đó, nội dung “Trao đổi với người được tư vấn về nguyện vọng chọn nghề, cung cấp thông tin về thế giới nghề và đặc điểm của nghề mà HS định chọn” và “Hướng dẫn HS làm các trắc nghiệm tâm lí chiếm tỉ lệ vượt trội” (88%). Từ đó cho thấy, hầu hết các trường phổ thông trong phạm vi nghiên cứu tập trung chủ yếu vào hai nội dung nêu trên và có sự không đồng đều trong việc triển khai các nội dung TVHN (sự chênh lệch tỉ lệ rõ rệt được thể hiện ở Biểu đồ 1).

2.5. Những công cụ TVHN đang được sử dụng trong CTHN và tính hiệu quả

Khi được hỏi về các công cụ hướng nghiệp đang được sử dụng ở các trường THPT và tính hiệu quả của chúng, kết quả thu được như sau (xem Biểu đồ 2 và Bảng 4):

Biểu đồ 2. Các công cụ TVHN đang được sử dụng hiện nay



Bảng 4. Tính hiệu quả của các công cụ TVHN hiện hành

Công cụ TVHN	Mức độ			ĐTB	ĐLC
	Không hiệu quả	Khá hiệu quả	Rất hiệu quả		
Trắc nghiệm nghề nghiệp John Holland	-	10,0	90,0	2,90	0,303
Trắc nghiệm tính cách MBTI	-	36,0	64,0	2,64	0,485
Trắc nghiệm trí tuệ 9 loại hình thông minh	-	56,0	44,0	2,44	0,501
Trắc nghiệm tính cách Big Five	30,0	56,0	14,0	1,84	0,650
Sinh trắc học vân tay	16,0	42,0	42,0	2,26	0,723
Họa đồ nghề nghiệp	42,0	58,0	-	1,58	0,499
Trung bình chung				2,27	0,28

Biểu đồ 2 và Bảng 4 cho thấy, hiện nay tại các trường THPT, để phục vụ CTHN, các chuyên viên tâm lý – hướng nghiệp/ giáo viên kiêm nhiệm sử dụng 6 công cụ sau: Trắc nghiệm nghề nghiệp John Holland, trắc nghiệm tính cách MBTI, trắc nghiệm trí tuệ 9 loại hình thông minh, trắc nghiệm tính cách Big Five, sinh trắc học vân tay, họa đồ nghề. Tính hiệu quả của 6 công cụ này được đánh giá ở mức khá hiệu quả (ĐTB chung = 2,27).

Trong đó, công cụ được sử dụng phổ biến nhất là trắc nghiệm nghề nghiệp John Holland (94% sự lựa chọn, ĐTB tính hiệu quả là 2,90) và trắc nghiệm nhân cách MBTI (92% sự lựa chọn, ĐTB tính hiệu quả là 2,64) với tính hiệu quả được đánh giá của 2 công cụ này là “Rất hiệu quả”, 90% khách thể đánh giá trắc nghiệm John Holland rất hiệu quả, 64% khách thể đánh giá trắc nghiệm MBTI rất hiệu quả. Bên cạnh đó, những công cụ khác như trắc nghiệm 9 loại hình thông minh (18% lựa chọn, ĐTB tính hiệu quả là 2,44), trắc nghiệm tính cách Big Five (6% lựa chọn, ĐTB tính hiệu quả là 1,84), sinh trắc học vân tay (20% lựa chọn, ĐTB tính hiệu quả là 2,26) cũng được sử dụng ở một số trường, tuy nhiên sự phổ biến không rộng vì điều kiện kinh tế (sinh trắc vân tay rất tốn kém, chi phí cho một lần đo là 3.600.000 VND – chi phí điều tra được bằng cách phỏng vấn sâu tại một trường tư thục) cũng như tính hiệu quả tương đối của những công cụ này. 3 công cụ trên được đánh giá mức độ “Khá hiệu quả” với tỉ lệ lần lượt là 56%, 56% và 42%.

Với công cụ họa đồ nghề, hầu hết các trường đều không sử dụng đến (chỉ 2% lựa chọn, tương đương 1/50), vì tính chất không phổ biến của nó cũng như những yêu cầu cao về mặt chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của công cụ này. Chính vì lí do không được các trường sử dụng, nên khách thể nghiên cứu đánh giá mức độ hiệu quả của công cụ này ở mức “Không hiệu quả”, ĐTB là 1,58. Trong đó, số khách thể đánh giá họa đồ nghề không hiệu quả chiếm 42%, số còn lại đánh giá mức khá hiệu quả - 58%. Vì vậy, các chuyên viên/ giáo viên kiêm nhiệm rất hoài nghi về tính hiệu quả của công cụ này.

Như vậy, đội ngũ làm CTHN hiện nay sử dụng chủ yếu 2 công cụ: trắc nghiệm nghề nghiệp John Holland và trắc nghiệm tính cách MBTI trong quá trình TVHN vì theo họ đây là 2 công cụ có độ chuẩn xác, tính hiệu quả cao, tiện ích khi sử dụng. Ngoài ra, họ vẫn sử dụng một số công cụ khác để hỗ trợ như trắc nghiệm tính cách Big Five, trắc nghiệm 9 loại hình thông minh, sinh trắc học vân tay để phục vụ CTHN tốt hơn, nhanh hơn. Tuy nhiên, tính hiệu quả của 3 công cụ này chỉ ở mức khá hiệu quả. Trong khi đó, họa đồ nghề hầu như không được sử dụng trong TVHN, các chuyên viên không sử dụng công cụ này, cũng như đánh giá không cao tính hiệu quả của nó.

Kết quả nghiên cứu thể hiện ở Biểu đồ 2 và Bảng 4 cho thấy các công cụ TVHN được khảo sát đưa ra đều được sử dụng. Tuy nhiên, mức độ phổ biến của các công cụ được đánh giá không đều nhau và có sự chênh lệch tỉ lệ rất lớn. Chỉ một số công cụ được sử dụng phổ biến và được đánh giá tính hiệu quả cao, như: Trắc nghiệm nghề nghiệp John Holland, trắc nghiệm tính cách MBTI, trắc nghiệm trí tuệ 9 loại hình thông minh. Các công cụ còn lại không phổ biến và được đánh giá tính hiệu quả không cao xuất phát từ nguyên

nhân chủ yếu là kinh phí. Kinh phí cao dẫn đến việc các khách thể không lựa chọn sử dụng, không có nhiều điều kiện tiếp cận; từ đó, kéo theo việc đánh giá tính hiệu quả của các công cụ đó không cao.

Kết quả nghiên cứu của Giang (2018) đã đưa ra những kết luận sau: 1) Nhận thức về công cụ hướng nghiệp của đội ngũ làm CTHN ở mức chưa cao, chỉ biết một ít, chưa hiểu rõ về công cụ này, dẫn đến nhận thức về việc sử dụng công cụ không tốt nên không được sử dụng khi TVHN; 2) Yếu tố ảnh hưởng nhiều đến nhận thức về công cụ hướng nghiệp chính là việc thiếu kỹ năng liên kết, xuyên chuỗi các nội dung thường sử dụng trong TVHN thành một mô hình chung, một mô hình tổng quát về nghề nghiệp; 3) Hầu hết các trường trung học không sử dụng một vài công cụ trong CTHN, lí do là mất thời gian chuẩn bị, yêu cầu năng lực chuyên môn của nhà tư vấn cao khi sử dụng.

Tác giả Giang (2018) cũng chỉ rõ, để hình thành hành vi sử dụng công cụ tư vấn hướng nghiệp trong công tác TVHN, điều quan trọng là phải tập trung nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng cho người làm công tác này. Đồng thời, bản thân người TVHN cũng phải tự rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm cuộc sống của mình để sử dụng công cụ hướng nghiệp hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc thúc đẩy sự quan tâm, đầu tư của ban giám hiệu, các cơ sở giáo dục và việc chuẩn hóa của cơ quan chức năng, hội đồng chuyên gia cũng là điều kiện khách quan thiết yếu để nâng cao hành vi sử dụng công cụ hướng nghiệp nhiều hơn, hiệu quả hơn trong công tác TVHN. Trong các yếu tố trên, cần chú trọng phát triển, bồi dưỡng 3 yếu tố: Kinh nghiệm cuộc sống của người làm CTHN; năng lực chuyên môn của người làm CTHN; tính hiệu quả của công cụ hướng nghiệp (Giang, 2018).

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa phần đội ngũ làm CTHN đều xác định được mục đích của công tác này là giúp HS xác định được hướng đi nghề nghiệp cho bản thân và từ đó xây dựng kế hoạch phát triển phù hợp. Các nội dung hướng nghiệp và công cụ hỗ trợ đa dạng, nhưng chỉ một số nội dung và công cụ được sử dụng phổ biến và được đánh giá cao. Những kết quả trên cho thấy các hình thức triển khai CTHN trong trường THPT ở TPHCM đã nhận được sự quan tâm từ phía nhà trường về tầm quan trọng. Tuy nhiên, trong việc triển khai thực hiện còn gặp nhiều hạn chế về mặt kinh phí và đánh giá hiệu quả của các hình thức. Từ kết quả trên, chúng tôi đề xuất một số biện pháp phát triển CTHN, cũng như các hình thức triển khai CTHN hiệu quả trong nhà trường phổ thông, mà chủ đạo là tập trung vào việc phát triển năng lực chuyên môn của người làm CTHN. Với các biện pháp đề xuất, kì vọng trong thời gian tới, CTHN sẽ ngày càng được đẩy mạnh và triển khai có trọng điểm, khoa học và hiệu quả, đáp ứng không chỉ nhu cầu hướng nghiệp của HS, mà còn định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của người học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giang, T. V. (2018). *Nhanh thuc ve viec su dung hoa do nghe trong cong tac huong nghiep hoc sinh trung hoc pho thong dia ban Thanh pho Ho Chi Minh* [Awareness of using occupational graphics in career guidance for high school students in Ho Chi Minh City]. (Undergraduate dissertation, Ho Chi Minh City University of Education).
- Huynh, V. S. (2011). Xu huong chon nghe nghiep cua hoc sinh cuoi cap trung hoc co co va hoc sinh trung hoc pho thong tinh Binh Duong hien nay [Career selection trend of junior high school students and high school students in Binh Duong province today *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 31, 125.
- Le, D. H. (2018). Thuc trang nhu cau ve cac hình thức tu van huong nghiep cua hoc sinh mot so trường trung hoc pho thong tai Thanh pho Ho Chi Minh [Current demand for career counseling forms of students in some high schools in Ho Chi Minh City]. *Journal of Education*, 427(1), 15-18.
- Nguyen, T. T. H. (2011). Thuc trang cong tac tu van huong nghiep o mot so trường trung hoc pho thong tai Thanh pho Ho Chi Minh [Situation of career counseling in some high schools in Ho Chi Minh City]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 25, 116.
- Nguyen, T. V. L. (2019). Li thuyet ve quan li hoat dong tu van huong nghiep o trường trung hoc pho thong [Theory of managing career counseling activities in high school]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 16(4), 189.

**REALITY OF VOCATIONAL ORIENTATION
IN HO CHI MINH CITY HIGH SCHOOLS****Giang Thien Vu¹, Le Ngoc Khang^{2*}**¹*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*²*Viet Idea Life Skills Training Center, Vietnam**Corresponding author: Le Ngoc Khang – Email: khangln.tali031@pg.hcmue.edu.vn

Received: March 31, 2021; Revised: June 23, 2021; Accepted: August 25, 2021

ABSTRACT

The article discussed the reality of vocational orientation in Ho Chi Minh City high schools. The study presents the purposes, content and deployment tools in vocational orientation activities for high school students. The results show that most schools use different forms of vocational orientation to support students in an appropriate and effective way. However, there are significant differences in evaluating the popularity and the effectiveness of the forms among schools. These are mainly attributed to the competence of the staff responsible for vocational orientation activities. Based on the results, a number of solutions are proposed to develop career guidance to enhance the professional capacity of the team working in vocational orientation in high schools.

Keywords: high school students; vocational counseling; vocational counseling tools; vocational forms; vocational orientation